TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/**2021/DS-ST
Ngày: 02/7/2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân Phương**

Ông **Lê Văn Châu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Phi Nga** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T (Gọi tắt là: Ngân hàng S).**

Trụ sở: số 266 - 268 N K Kh Ngh, Phường V T S, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh V – Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T - Chi nhánh Hà Nội. Người nhận uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Văn M - Chuyên viên Ngân hàng, theo Giấy ủy quyền số 60/2020/GUQ-CNHN ngày 02/3/2020. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng H** - sinh năm 1991

Đăng ký hộ khẩu thường trú: 30 H C, phường Hàng Mã, quận H K, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số 8 B4 Đ Tr, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là **Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T** trình bày:

Ngày 25/6/2018, anh Nguyễn Hoàng H ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng). Căn cứ thu nhập của anh H, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, anh H đã nhiều lần thực hiện các giao dịch và cũng đã thanh toán trong các kỳ sao kê như đã cam kết. Tuy nhiên đến kỳ sao kê ngày 22/11/2018, anh H đã thực hiện số tiền giao dịch trong kỳ sao kê và còn nợ Ngân hàng số tiền là 19.928.494 đồng. Từ thời điểm đó, anh H chỉ thanh toán được 1.000.000 đồng vào ngày 14/01/2019, số tiền này Ngân hàng đã trừ vào số tiền giao dịch chưa thanh toán của anh H. Ngoài ra anh H không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản tiền nào. Sau nhiều lần nhắc nhở nhưng anh H vẫn vi phạm, ngày 23/3/2019, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sau nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh H phải thanh toán số tiền còn thiếu theo như thỏa thuận tín dụng, gồm: dư nợ thẻ và lãi quá hạn. Trong đó, dư nợ thẻ (cũng là dư nợ gốc) là tổng của các khoản tiền: số tiền khách hàng giao dịch chưa thanh toán 18.928.494đ, lãi trong hạn 2.499.064đ, phí trễ hạn 1.080.566đ, phí vượt hạn mức 250.000đ, phí thường niên (đã trả trước đó); Lãi quá hạn được tính trên dự nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (23/3/2019) đến khi thanh toán xong khoản nợ; lãi suất trong hạn Ngân hàng áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng từ thời điểm anh H vi phạm nghĩa vụ đến khi xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất hiện nay Ngân hàng đang áp dụng). Cụ thể: Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh H trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/01/2021 là 39.002.884 đồng, trong đó dư nợ thẻ là 22.758.124 đồng, lãi quá hạn là 16.244.760 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 16/01/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn là anh Nguyễn Hoàng H: Anh H có địa chỉ cư trú tại: số 8 B4 Đ Tr, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội (địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 30 phố H C, quận H K, thành phố Hà Nội), tại Giấy cung cấp thẻ tín dụng, anh H cũng cung cấp địa chỉ cư trú như trên, ngoài ra không cung cấp địa chỉ nào khác. Tuy nhiên, qua xác minh, chính quyền địa phương cho biết anh Nguyễn Hoàng H không còn cư trú tại các địa chỉ nêu trên. Anh H chuyển đến nơi cư trú khác không thông báo lại với nguyên đơn và chính quyền địa phương nên trường hợp này được coi như là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh H không có mặt theo thông báo triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh H không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T yêu cầu Tòa án buộc anh H thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 02/7/2021 là 43.113.004 đồng, trong đó dư nợ thẻ (cũng là dư nợ gốc) là 22.758.124 đồng, lãi quá hạn là 20.354.880 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 03/7/2021 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày anh H thanh toán được toàn bộ khoản vay.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Việc ngân hàng gộp các khoản phí, lãi trong hạn vào số tiền giao dịch chưa thanh toán để xác định nợ gốc là không đúng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T, buộc anh H trả số tiền nợ gốc là số tiền giao dịch chưa thanh toán: 18.928.494 đồng; Chấp nhận một phần lãi trong hạn, lãi quá hạn và các loại phí hợp lý được tính trên dự nợ gốc nêu trên. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Qua xác minh tại chính quyền địa phương, anh Nguyễn Hoàng H không còn cư trú tại địa chỉ: số 8 B4 Đ Tr, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội cũng như tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu là 30 H C, quận H K, thành phố Hà Nội. Anh H không thông báo cho nguyên đơn và chính quyền địa phương về việc chuyển địa điểm cư trú của mình nên căn cứ theo điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Địa chỉ số 8 B4 Đ Tr, phường

Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được xác định là nơi cư trú cuối cùng của anh H.

Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh Nguyễn Hoàng H, có địa chỉ cư trú cuối cùng là số 8 B4 Đ Tr, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với việc xét xử trong trường hợp bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Nguyễn Hoàng H là bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo đến Tòa án để lấy lời khai, Thông báo phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, Kết quả phiên họp công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên họp,... đối với bị đơn là anh Nguyễn Hoàng H tại 02 địa điểm: nơi cư trú cuối cùng và nơi đăng ký hộ khẩu là đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng tín dụng: Ngày 25/6/2018, anh Nguyễn Hoàng H ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Ngân hàng TMCP S G T T chấp thuận đề nghị và phê duyệt cấp thẻ tín dụng hạn mức là 20.000.000 đồng. Kèm theo hợp đồng là bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng có hiệu lực từ ngày 04/01/2018 (sau đây gọi tắt là Điều khoản sử dụng thẻ). Xét việc hai bên xác lập hợp đồng tín dụng có nội dung nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 30/2016/TT-NHNN ngày 14/10/2016), nên hợp đồng tín dụng có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4]. Về cách tính dư nợ thẻ và lãi quá hạn của Nguyên đơn:

* Theo như Bản tự khai và các lời trình bày tại Tòa án, Ngân hàng S xác định dư nợ thẻ cũng là dư nợ gốc, được xác định là tổng của các khoản: số tiền khách hàng giao dịch nhưng chưa thanh toán, lãi trong hạn, phí trễ hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên. Tuy nhiên cách tính của Ngân hàng là: số tiền nợ (gồm cả gốc, lãi, phí) của kỳ thanh toán trước thành số tiền nợ gốc của kỳ sao kê sau rồi tiếp tục tính lãi, phí trên số tiền đó (gồm cả gốc, lãi, phí) để xác định dự nợ cuối kỳ sao kê tiếp theo. *Ví dụ: Kì sao kê ngày 22/11/2018, dư nợ sao kê đầu kỳ là: 19.928.494đ, Ngân hàng tính lãi trong hạn, các loại phí trên số tiền đó để xác định số tiền nợ đầu kỳ tiếp*

theo 22/12/2018 là: 20.731.841đ. Sau đó, Ngân hàng lại tiếp tục tính lãi trong hạn, các loại phí trên số tiền 20.731.841đ (đã gồm cả lãi, phí của kỳ trước) để xác định nợ gốc cuối kỳ tiếp theo là 21.391.745đ. Cách tính "lãi trên lãi", "lãi trên phí" như trên của Nguyên đơn là trái quy định của pháp luật, dẫn đến việc xác định sai dư nợ gốc của khách hàng, dẫn đến việc tính sai các khoản lãi, phí liên quan.

* Lãi quá hạn: được tính trên dự nợ thẻ còn lại của khách hàng với lãi suất 150% lãi suất trong hạn từ thời điểm khoản nợ bị chuyển sang quá hạn (22/3/2019) đến khi thanh toán xong khoản nợ. Tuy nhiên lãi quá hạn lại được tính trên dư nợ thẻ (gồm cả số tiền giao dịch, lãi trong hạn, phí) là không đúng. Theo quy định, lãi quá hạn chỉ được tính trên số nợ gốc (là số tiền giao dịch thực tế) của khách hàng.

Từ những nhận định trên thấy rằng: Cách xác định dư nợ gốc và lãi quá hạn của Ngân hàng TMCP S G T T đối với Bị đơn là không đúng, cần phải xác định lại số tiền Bị đơn còn nợ Nguyên đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[5]. Về xác định số tiền Bị đơn còn phải thanh toán cho Nguyên đơn: Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Luật các tổ chức tín dụng, khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước, thì: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, gốc, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01/01/2017 (như trường hợp của anh H ký ngày 25/6/2018) được xác định gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các loại phí hợp lý.

- Về nợ gốc: Tại kỳ sao kê ngày 22/11/2018, anh H đã giao dịch thẻ với số tiền là: 19.928.494 đồng. Ngày 14/01/2019, anh H có thanh toán 1.000.000 đồng. Theo Điều 23 Điều khoản sử dụng thẻ, việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự: Các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, Giao dịch Rút tiền mặt của kỳ trước, Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước,…Tuy nhiên tại Bản tự khai ngày 15/01/2021 và tại phiên tòa, Nguyên đơn tự nguyện trừ số tiền 1.000.000 đồng anh H thanh toán ngày 14/01/2019 vào Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước (có thứ tự ưu tiên sau). Việc Nguyên đơn tự nguyện khấu trừ như trên có lợi hơn cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, số tiền nợ gốc được xác định là số tiền Bị đơn giao dịch nhưng chưa thanh toán là: 18.928.494 đồng.

- Về lãi trong hạn:

+ Về mức lãi suất trong hạn áp dụng: Theo điểm 25.2 Điều 25 Điều khoản sử dụng thẻ: "S có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho Chủ thẻ". Từ khoảng năm 2020, mức lãi suất trong hạn S áp dụng trung bình khoảng 2,5 – 2,6%/ tháng. Tuy nhiên, tại Bản tự khai ngày 15/01/2021 và tại phiên tòa, Nguyên đơn tự nguyện chỉ áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng đối với Bị đơn tính từ lúc vi phạm nghĩa vụ đến thời điểm xét xử sơ thẩm (đây là mức lãi suất Ngân hàng áp dụng tại thời điểm khoản nợ của anh H vi phạm nghĩa vụ). Việc Nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 2,15%/tháng là có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

+ Về xác định lãi trong hạn: Theo điểm 25.1 Điều 25 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: Lãi suất được tính từ ngày khách hàng thực hiện giao dịch. Theo Bảng sao kê chi tiết thể hiện ngày khách hàng giao dịch số tiền 19.928.494đ vào ngày 07/10/2018, sau đó ngày 14/01/2019 anh H thanh toán 1.000.000 đồng và được trừ vào số tiền đã giao dịch. Lãi trong hạn được xác định trong 02 giai đoạn:

. Giai đoạn 1: Từ ngày 07/10/2018 đến ngày 14/01/2019:19.928.494 x 2,15%/30 x 99 ngày = 1.413.926 đồng

. Giai đoạn 2: Từ ngày 15/01/2019 đến ngày 22/3/2019 (trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn 23/3/2019): 18.928.494 x 2,15%/30 x 66 ngày = 835.317 đồng

Lãi trong hạn anh Nguyễn Hoàng H còn nợ Ngân hàng là: 1.413.926 + 835.317 = 2.249.243 đồng.

- Về lãi phạt chậm trả: được xác định theo mức lãi suất không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định (10%) tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn (từ ngày 23/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2021): 2.249.243 x 10%/365 x 832 ngày = 512.705 đồng.

- Về lãi quá hạn: Ngân hàng S xác định ngày khoản nợ chuyển sang quá hạn là 23/3/2019, lãi suất bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 23 Điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Tuy nhiên phải tính lãi quá hạn trên dư nợ gốc, không được tính trên dư nợ thẻ (gồm cả lãi trong hạn, các loại phí) như cách tính của nguyên đơn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi quá hạn được xác định là: 18.928.494 đồng x 2,15%/30 ngày x 150% x 832 ngày = 16.929.645 đồng.

* Đối với các loại phí:

- Phí thường niên: được xác định là phí phát hành thẻ và phí duy trì hoạt động thẻ, được thu hàng năm. Khoản phí này là cần thiết liên quan đến việc phát hành, duy trì hệ thống hoạt thẻ của Ngân hàng. Tuy nhiên, theo tài liệu do Nguyên đơn cung cấp, do anh H đã thanh toán khoản phí này tại các kỳ sao kê trước, Ngân hàng không yêu cầu thanh toán tiếp khoản phí này nên Hội đồng xét xử không xét.

- Phí vượt hạn mức: điểm f Điều 27 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: "Phí vượt hạn quá hạn mức: được tính trên số dư vượt quá hạn mức được cấp". Ngân hàng xác định số tiền dư nợ thẻ (gồm cả gốc, lãi, phí) của anh H là: 22.758.124đ, vượt hạn mức số tiền 20.000.000 đồng được phê duyệt. Như đã phân tích ở trên, Ngân hàng đã xác định dư nợ gốc của khách hàng không đúng (thực tế nợ gốc của anh H chỉ là: 18.928.494 đồng) nên việc áp dụng mức phí vượt hạn mức do dư nợ gốc vượt quá hạn mức được cấp phép là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Phí trễ hạn (chậm thanh toán): điểm g Điều 24 Điều khoản sử dụng thẻ quy định: "Phí chậm thanh toán: được thu nếu Chủ thẻ không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu vào hoặc trước ngày đến hạn". Tuy nhiên, thực tế khi khách hàng chậm thanh toán thì đã phải chịu lãi phát sinh và lãi chậm trả theo quy định của pháp luật nên khoản phí này Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do vậy, số tiền anh Nguyễn Hoàng H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T là: 18.928.494 + 2.249.243 + 16.929.645 + 512.705 = 38.620.087 đồng.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, buộc anh Nguyễn Hoàng H phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm 02/7/2021 là: 38.620.087 (Ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn không trăm bảy mươi tám) đồng; trong đó: nợ gốc là: 18.928.494 đồng, lãi trong hạn là: 2.249.243 đồng, lãi quá hạn là: 16.929.645 đồng, lãi chậm trả là: 512.705 đồng.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu anh Nguyễn Hoàng H trả tổng số tiền là 43.113.004 đồng, nhưng chỉ được Tòa án chấp nhận số tiền là 38.620.087 đồng, nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 4.492.917 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp, được trả lại 480.000 đồng.

Anh H phải chịu 1.931.004 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào khoản 14, 16 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 và Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T về việc yêu cầu anh Nguyễn Hoàng H thanh toán số tiền nợ phát sinh theo

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 25/6/2018. Buộc anh Nguyễn Hoàng H trả Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T các khoản tiền tạm tính đến ngày 02/7/2021 là: 38.620.087 (Ba mươi tám triệu sáu trăm hai mươi nghìn không trăm bảy mươi tám) đồng; trong đó: nợ gốc là: 18.928.494 đồng, lãi trong hạn là: 2.249.243 đồng, lãi quá hạn là: 16.929.645 đồng, lãi chậm trả là: 512.705 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký kết ngày 25/6/2018 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S G T T có hiệu lực từ ngày 01/4/2018.

3. Về án phí:

3.1. Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm mười nghìn) đồng, được trừ vào 780.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003662 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, được trả lại 480.000 (Bốn trăm tám mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí.

3.2. Anh Nguyễn Hoàng H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.931.004 (Một triệu chín trăm ba mươi mốt nghìn không trăm linh tư) đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Ngân hàng thương mại cổ phần S G T T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoàng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hoàng Nam